

Bản án số: 300/2026/HS-PT
Ngày: 26-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Long.
Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 221/2026/TLPT-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo Tạ Thị Ý N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 102/2026/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo: Tạ Thị Ý N, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01/9/2004 tại thành phố Đà Nẵng; Số CCCD: 04830400xxxx; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K282/17 T, tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở trước đây tại K đường N, phường H. Hiện nay ở tại A đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Con ông Tạ Tấn S, sinh năm 1971 và con bà Vương Thị Ngọc P, sinh năm 1975 (Đều còn sống); gia đình bị cáo có 3 chị em, bị cáo là con đầu. Bị cáo chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Elliot Neftali A, sinh ngày 07/7/1964; Hộ chiếu số: A03700731, cấp ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại Hoa Kỳ; nơi cư trú: P, Tòa nhà B Đà Nẵng, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Người phiên dịch:* Ông Đặng Văn B, chức vụ: Chuyên viên dịch thuật tiếng Anh thuộc Trung tâm P1. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cuối năm 2023, ông Elliot Neftali A gặp bị cáo Tạ Thị Ý N tại quán bar F, đường P, thành phố Đà Nẵng. Do đang bị thương do tai nạn nên ông E mời bị cáo Tạ Thị Ý N về làm giúp việc, ở lại và trả công bằng việc lo chi phí đi học và sinh hoạt cho bị cáo N. Trong thời gian sống ở nhà ông E, bị cáo N biết mật khẩu điện thoại là 3352 và cách sử dụng thẻ tín dụng của ông E (mật khẩu thẻ tín dụng trùng với mật khẩu điện thoại). Khoảng tháng 12/2024, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông E. Bị cáo N lấy điện thoại của ông E, sử dụng ứng dụng để chuyển tiền từ tài khoản USD (đồng Đô la) mở tại Ngân hàng K (tại Mỹ) chuyển về tài khoản mở tại Ngân hàng B1 (đồng B). Sau đó, bị cáo N lén lút trộm cắp thẻ Ngân hàng B1, số tài khoản 885-0-74098-2, ra trụ ATM của Ngân hàng N1 (A1) trên đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng, sử dụng thông tin tài khoản thẻ tín dụng, nhập mật khẩu “3352” để rút tiền trong tài khoản. Từ ngày 16 đến ngày 21/12/2024, bị cáo N đã thực hiện việc rút tiền trong tài khoản của ông E 04 lần (với 46 lượt rút). Bị cáo N đem số tiền này nộp vào tài khoản số 0921134004, Ngân hàng TMCP Q (M) của bị cáo N để tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 16/12/2024, bị cáo N rút 16 lượt, mỗi lượt 4.173,97 Baht với tổng số tiền là 66.783,52 Baht Thái, quy đổi sang tiền VNĐ là 48.034.046,76 đồng (01 baht = 719,25 đồng);

- Lần 2: Ngày 17/12/2024, bị cáo N rút 08 lượt, mỗi lượt 4.173,97 Baht với tổng số tiền là 33.391,76 Baht Thái, quy đổi sang tiền VNĐ là 24.017.023,38 đồng (01 baht = 719,25 đồng);

- Lần 3: Ngày 18/12/2024, bị cáo N rút 10 lượt, trong đó: 09 lượt 4.180,41 Baht và 01 lượt 237,93 Baht với tổng số tiền là 37.861,62 Baht Thái, quy đổi sang tiền VNĐ là 27.231.970,18 đồng (01 baht = 719,25 đồng);

- Lần 4: Ngày 21/12/2024, bị cáo N tiếp tục rút 12 lượt, trong đó: 11 lượt 4.225.43 Baht, 01 lượt 1.848,45 Baht với tổng số tiền là 48.328,18 Baht, quy đổi sang tiền VNĐ là 33.979.543,36 đồng (01 baht = 703,1 đồng).

Theo Công văn số: 1352/KV9-TH của Ngân hàng N2 Chi nhánh K1 cung cấp thông tin: Vào các ngày 16, 17 và 18/12/2024 thì 01 Baht Thái quy đổi sang VNĐ là 719,25 đồng; ngày 21/12/2024, 01 Baht Thái quy đổi sang VNĐ là 703,1 đồng. Như vậy, bị cáo N đã 04 lần sử dụng thông tin tài khoản Ngân hàng chiếm đoạt tài sản của ông Elliot Neftali A với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 133.262.583 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- Sao kê tài khoản Ngân hàng TMCP Q, số tài khoản: 0921134004 của Tạ Thị Ý N;

- Sao kê tài khoản Ngân hàng B1, số tài khoản: 8550740982 của ông Elliot Neftali A.

* Về dân sự: Bị hại là ông Elliot Neftali A đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt là 133.262.583 đồng, không có yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin bãi nại trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Tạ Thị Ý N.

* Tại Kết luận Giám định pháp y tâm thần của Trung tâm P2 theo trưng cầu số: 951/KLGD ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với Tạ Thị Ý N kết luận:

- Tại thời điểm trước và trong khi thực hiện hành vi vi phạm:

+ Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Sức khỏe tâm thần bình thường.

+ Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm hiện tại:

+ Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Rối loạn loạn thần trong Rối loạn tâm thần và hành vi sử dụng cần sa (F12.5-ICD-10). Giai đoạn ổn định.

+ Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 102/2026/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Tạ Thị Ý N phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ các điểm b và đ khoản 2 Điều 290; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Tạ Thị Ý N 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngày 18/5/2026, bị cáo Tạ Thị Ý N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 28/5/2026, bị hại ông E Neftali Arroyo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo cho bị cáo Tạ Thị Ý N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và khung hình phạt theo điểm b và đ khoản 2 Điều 290; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức án 01 năm tù đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đã được cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo bị truy tố định khung hình phạt theo điểm b và đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tạ Thị Ý N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 16, 17, 18 và 21/12/2024, trên địa bàn phường H, thành phố Đà Nẵng, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Tạ Thị Ý N đã 04 lần sử dụng ứng dụng trên điện thoại của ông Elliot Neftali A để chuyển tiền từ tài khoản cá nhân của ông E mở tại Mỹ về tài khoản Ngân hàng B1 của ông E, rồi lấy trộm thẻ Ngân hàng Bangkok của ông E mang ra cây ATM rút và đã chiếm đoạt 133.262.584 đồng. Hành vi của bị cáo Tạ Thị Ý N đã phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự. Theo đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 102/2026/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Tạ Thị Ý N phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b và đ khoản 2 Điều 290 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Tạ Thị Ý N và bị hại ông Elliot Neftali A thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, số tiền chiếm đoạt của bị cáo Tạ Thị Ý N; cùng với việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; bị cáo đã bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; được người bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo hướng dẫn Nghị quyết số: 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cấp sơ thẩm quyết định cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo Tạ Thị Ý N đã xâm phạm đến trật tự an toàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một

thời gian để cải tạo giáo dục và răn đe phòng ngừa chung, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn, không cho bị cáo hưởng án treo là cần thiết.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, không xuất hiện chứng cứ mới có giá trị làm thay đổi mức hình phạt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Tạ Thị Ý N và bị hại ông E Neftali A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Thị Ý N và bị hại ông Elliot Neftali A. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 102/2026/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng về hình phạt đối với bị cáo.

2. Tuyên bố bị cáo Tạ Thị Ý N phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ các điểm b và đ khoản 2 Điều 290; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Tạ Thị Ý N **01 (Một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Tạ Thị Ý N và bị hại ông Elliot Neftali A, mỗi người phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 26/8/2026.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CATP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Bé

